TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09-7-2020
V/v tranh chấp "L hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Thế Dũng

2. Bà Trần Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 149/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp "L hôn và nuôi con", theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2020/QĐST-HN ngày 02 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 4/44A, khu phố N, Thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Chị Võ Thị Linh P, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ô3/171, khu phố T, Thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Tất cả vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày*: Anh và chị P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, có tổ chức lễ cưới, ngày cưới có cho một số nữ trang nhưng hiện tại không còn vì bán để chi phí trong gia đình. Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Quốc Việt, sinh ngày 19/4/2011, hiện anh và cha mẹ vợ đang nuôi. Tài sản chung và nợ chung không có.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên cách đây khoảng 02 năm khi anh đi xe mô tô bị tai nạn chấn thương, kể từ đó vợ anh bỏ đi làm ăn xa không về thăm cũng không liên lạc với anh, khi chị P về nhà mẹ vợ anh có đến gặp nhưng chị P không đồng ý về chung sống với anh, sau đó anh có nhờ mẹ vợ khuyên nhưng mẹ vợ cho rằng có nộp đơn L hôn thì nộp bà không ý kiến. Anh

cảm thấy tình cãm của chị P đối với anh không còn nữa nên không thể nào tiếp tục chung sống. Do đó anh yêu cầu được L hôn với chị P.

Về con chung: Anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn chị Võ Thị Linh P trình bày*: Chị P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh L.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu L hôn của anh L; giao con cho anh L trông nom chăm sóc nuôi dưỡng, chị P không cấp dưỡng nuôi con; tài sản và nợ chung, anh L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Võ Thị Linh P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và anh Nguyễn Văn L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh L và chị P chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Anh L yêu cầu L hôn, do chị P tự ý bỏ đi làm ăn xa không về thăm cũng không liên lạc với anh và anh chị sống L thân đã 02 năm. Xét thấy, chị P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, chứng tỏ chị P không thể hiện thiện chí đoàn tụ và trong thời gian sống L thân cả hai không gặp nhau để tìm cách bàn bạc hàn gắn gia đình, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc đến ai, hơn nữa tại biên bản lấy lời khai mẹ ruột chị P là bà Trần Thị Kim Liên cho rằng chị P cũng muốn L hôn. Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa anh L và chị P lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu L hôn của anh L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con tên Nguyễn Quốc Việt, sinh ngày 19/4/2011, riêng chị P không ý kiến. Xét thấy, từ ngày anh chị sống L thân cháu Việt sống chung với anh L đã ổn định được anh trông nom, chăm sóc phát triển tốt và tại biên bản lấy lời khai ngày 15-5-2020 cháu Việt có nguyện vọng sống với anh L. Do đó Hội đồng xét xử cần giao cháu Việt cho anh L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp

theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Riêng việc cấp dưỡng nuôi con anh L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này chị P có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Anh L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu L hôn của anh Nguyễn Văn L với chị Võ Thị Linh P. Anh L được L hôn với chị P.

2. Về con chung: Giao cho anh L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Nguyễn Quốc Việt, sinh ngày 19/4/2011. Chị P không cấp dưỡng nuôi con.

Chị P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh L không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Anh L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000221 ngày 09/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Ghi nhận Anh L đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân xã và nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Thị trấn Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vui